TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2609/2024/KDTM-ST
Ngày: 20-6-2024.
V/v Tranh chấp về hợp đồng giao thầu và thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Gái.

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 285/2023/TLST - KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp về hợp đồng thi công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2565/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3443/2024/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số B đường V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ liên hệ: Số B Đường T, KP3C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh - Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 02/2023/TVT-GUQ ngày 01/6/2023).

Bị đơn: Công ty Cổ phần K.

Địa chỉ: Số A đường N, Khu dân cư G, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1983; địa chỉ liên hệ: Số F Đường E, Khu dân cư G, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh - Là đại diện theo pháp luật.

Bà T có mặt tại phiên tòa, ông T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ có bà Lê Thị T đại diện trình bày:

Ngày 26/06/2022, giữa Công ty Cổ phần K (sau đây gọi tắt là Công ty K) – Bên Giao thầu và Công ty Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) – Bên nhận thầu đã ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 2606/2022/HĐTC/CQV-TVT về việc thi công xây dựng gói thầu "THI CÔNG CẢNH QUAN CỨNG KHU 82 CĂN BT1", thuộc dự án: KHU NHÀ Ở VÀ DỊCH VỤ CHUYÊN GIA.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty Đ tiến hành thi công theo nội dung hợp đồng ký kết, nhưng phía Công ty K không thực hiện tạm ứng/thanh toán theo đúng tinh thần hợp đồng. Quá trình thi công tính đến tháng 10/2022, Công ty K có gửi công văn yêu cầu tạm ngừng hạng mục mới và thi công xong hạng mục dở dang, đến tháng 01/2023 bên Công ty Đ tạm ngừng hoàn toàn các công việc tại công trường và phía Công ty K cũng đã đưa một đơn vị khác vào thi công tiếp phần việc của Công ty Đ. Sau khi thống nhất hai bên đồng ý quyết toán phần khối lượng đã thi công vào ngày 09/03/2023 với tổng giá trị quyết toán là 1.477.648.874 đồng – Chưa bao gồm thuế VAT. Phía Công ty K đã cấn trừ phần tiền tạm ứng hợp đồng là 580.000.000 đồng, số tiền còn lại mà Công ty K chưa thanh toán cho Công ty Đ là 897.648.875 đồng – Chưa bao gồm thuế VAT.

Do đó, Công ty Đ yêu cầu Tòa án buộc Công ty K thanh toán một lần toàn bộ số tiền: 897.648.875 đồng (theo bảng xác nhận công nợ ngày 24/03/2023), và lãi cho số tiền chậm thanh toán tính từ ngày 25/03/2023 đến ngày 20/06/2024 theo lãi suất là 10%/năm là 110.423.108 đồng. Lãi trả chậm thanh toán sẽ tiếp tục tính cho đến khi công ty K thanh toán xong nợ.

Bị đơn Công ty K có ông Nguyễn Thành T1 là đại diện theo pháp luật trình bày:

Ông T1 có nhận được các yêu cầu và giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, Công ty K cần thêm thời gian để thu thập tài liệu, chứng cứ về nội dung tranh chấp nên xin hoãn lại việc nộp bản ý kiến và các tài liệu, chứng cứ vào hồi 14 giờ ngày 08/11/2023.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và xác định rút phần yêu cầu khởi kiện đối với Giá trị bảo lưu theo Hợp đồng khi quyết toán (5% giá trị nghiệm thu trước thuế) là: 67.165.858 đồng, thay đổi phần yêu cầu khởi kiện về việc bị đơn phải trả lãi trả chậm trả từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi công ty K thanh toán xong nợ thành yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền còn phải

thi hành án theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

Công ty Đ xác định chỉ yêu cầu Công ty K trả số tiền là: 830.483.017 đồng, trả tiền lãi chậm trả của số tiền nêu trên tính từ ngày 25/03/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/6/2024 (làm tròn là 440 ngày) theo lãi suất 10%/năm, tiền lãi là: 100.113.021 đồng. Tổng cộng là: 930.596.038 đồng và bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

Tại phiên tòa, phía bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và phía nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 24/03/2024. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp các quyền nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng giao thầu và thi công, việc tranh chấp này phát sinh từ hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các bên. Mặt khác, các bên đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh và việc ký kết hợp đồng giữa các bên đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về hợp đồng giao thầu và thi công" quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở tại thành phố T nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không có yêu cầu. Do đó, căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn và đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Thành T1, tuy nhiên ông T1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt phía bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 26/06/2022, giữa Công ty K và Công ty Đ đã ký kết Hợp đồng số 2606/2022/HĐTC/CQV-TVT và các Phụ lục A, B, C, D, E về việc thi công xây dựng gói thầu thi công cảnh quan cứng khu 82 căn BT1 hạng mục: Xây dựng. Sau khi ký hợp đồng, phía Công ty Đ tiến hành thi công theo nội dung hợp đồng các bên đã ký kết. Ngày 24/03/2023, các bên đã ký kết Biên bản đối chiếu công nợ.

Xét thấy:

Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 24/3/2023, Công ty K xác nhận còn chưa trả cho Công ty Đ số tiền là: 897.648.875 đồng, trong đó bao gồm cả Giá trị bảo lưu theo Hợp đồng khi quyết toán (5% giá trị nghiệm thu trước thuế) là: 67.165.858 đồng. Công ty Đ đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty K về việc trả số tiền 67.165.858 đồng nêu trên. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 830.483.017 đồng (897.648.875 đồng - 67.165.858 đồng = 830.483.017 đồng) là có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Về tiền lãi: Xét các bên ký kết Biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 24/3/2023, tuy nhiên sau đó Công ty K không trả tiền cho Công ty Đ nên việc Công ty Đ yêu cầu Công ty K phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền 830.483.017 đồng từ ngày 25/3/2023 là có cơ sở. Mặt khác, Công ty Đ yêu cầu Công ty K trả tiền lãi chậm trả là theo lãi suất 10%/năm là thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình liên ngân hàng hiện nay. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền 830.483.017 đồng tính từ ngày 25/03/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/6/2024 (làm tròn là 440 ngày) theo lãi suất 10%/năm là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, tiền lãi được tính như sau: 830.483.017 đồng X 10%/năm X 440 ngày = 100.113.021 đồng.

Công ty Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu bị đơn phải trả lãi trả chậm trả từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/6/2024) cho đến khi Công ty K thanh toán xong nợ thành yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án. Xét việc thay đổi yêu cầu này nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, do đó có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Từ các nhận định nêu trên, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của

Công ty Đ, buộc Công ty K trả cho Công ty Đ số tiền 830.483.017 đồng, tiền lãi là: 100.113.021 đồng. Tổng cộng là: 930.596.038 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với việc Công ty Đ rút phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty K về việc thanh toán số tiền Giá trị bảo lưu theo Hợp đồng khi quyết toán (5% giá trị nghiệm thu trước thuế) là: 67.165.858 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của Công ty Đ nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty K phải chịu toàn bộ án phí là: 39.917.881 đồng. H lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Công ty Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục kèm theo;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ:

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ số tiền là: 830.483.017 đồng (*Tám trăm ba mươi triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, không trăm mười bảy đồng*), tiền lãi là: 100.113.021 đồng (*Một trăm triệu, một trăm mười ba nghìn, không trăm hai mươi mốt đồng*). Tổng cộng là: 930.596.038 đồng (*Chín trăm ba mươi mươi triệu, năm trăm chín mươi sáu*

nghìn, không trăm ba mươi tám đồng). Trả ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần K phải trả số tiền 67.165.858 đồng (*Sáu mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng*).

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần K phải nộp tiền án phí sơ thẩm là: 39.917.881 đồng (*Ba mươi chín triệu, chín trăm mười bảy nghìn, tám trăm tám mươi mốt đồng*).

Công ty Cổ phần Đ không phải chịu án phí. H lại cho Công ty Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 19.464.733 đồng (*Mười chín triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0005289 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 01/10/2023.

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty Cổ phần Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Trung Thực